

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh lớp 6 phổ thông dân tộc nội trú
trung học cơ sở năm học 2026-2027 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú;

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 636/TTr-SGDĐT ngày 25/02/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh lớp 6 phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở năm học 2026-2027 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch tuyển sinh lớp 6 phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở năm học 2026-2027 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi¹ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- TTr: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đâu Thanh Tùng

¹ Gồm: 78 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 07 xã có thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi là các xã: Biện Thượng, Công Chính, Hà Long, Quý Lộc, Tây Đô, Trường Lâm, Xuân Tín.

KẾ HOẠCH

**Tuyển sinh lớp 6 phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở
năm học 2026-2027 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Góp phần thực hiện tốt mục tiêu giáo dục: tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục của các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) trung học cơ sở (THCS) trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Hướng dẫn tuyển sinh công khai, kịp thời, đầy đủ, rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đăng ký tuyển sinh;
- Công tác tuyển sinh phải đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan, minh bạch; đảm bảo thiết thực, hiệu quả, giảm áp lực, giảm chi phí cho xã hội.

II. NỘI DUNG

1. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Điều kiện và hồ sơ dự tuyển

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; sửa đổi, bổ sung tại điểm b, khoản 7, Điều 18 Quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh

Trường PTDTNT THCS các xã tuyển sinh lớp 6 PTDTNT THCS năm học 2026-2027 theo chỉ tiêu được giao.

4. Địa bàn, tỷ lệ tuyển sinh

- Địa bàn tuyển sinh:

+ Các trường PTDTNT THCS từng xã thực hiện tuyển sinh theo địa bàn quy định tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

+ Nếu học sinh thuộc đối tượng dự tuyển theo quy định tại khoản 1 Mục II của Kế hoạch này mà không thuộc địa bàn các xã có tên trong Phụ lục kèm theo Kế hoạch này thì được dự tuyển tại 01 trường PTDTNT THCS phù hợp với điều kiện sinh sống, học tập của học sinh.

+ Nếu học sinh thuộc đối tượng dự tuyển theo quy định tại khoản 1 Mục II của Kế hoạch này dự tuyển tại trường PTDTNT THCS khác với địa bàn đã quy định thì UBND xã quản lý trường PTDTNT THCS xem xét quyết định tiếp nhận hồ sơ dự tuyển.

- Tỷ lệ tuyển sinh:

+ Tuyển 70% chỉ tiêu theo điểm xét tuyển (ĐXT) từ cao xuống thấp đối với tất cả học sinh dự tuyển theo từng xã, đảm bảo đối tượng, điều kiện xét tuyển quy định (trong đó, bao gồm cả số học sinh được tuyển thẳng theo quy định và không quá 10% tổng chỉ tiêu học sinh là người dân tộc Kinh mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn);

+ Tuyển 30% chỉ tiêu còn lại theo ĐXT từ cao xuống thấp đối với học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, đảm bảo đối tượng, điều kiện xét tuyển quy định nhưng chưa trúng tuyển khi xét 70% chỉ tiêu.

5. Tuyển thẳng và chế độ ưu tiên

a) Tuyển thẳng

- Thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm c, khoản 2, Điều 11 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; sửa đổi, bổ sung tại điểm c, khoản 7, Điều 18 Quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chỉ tuyển thẳng học sinh đạt giải cấp tỉnh trở lên đối với các hội thi, cuộc thi sau: (1) Hội khỏe Phù Đổng, (2) Hội thi Giai điệu tuổi hồng, (3) Hội thi Tin học trẻ, (4) Cuộc thi Viết thư quốc tế UPU, (5) Giải thể thao học sinh Tiểu học và Trung học cơ sở.

b) Đối tượng ưu tiên

- Nhóm đối tượng 1:

- + Con liệt sĩ;
- + Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;
- + Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;
- + Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;
- + Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- + Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;
- + Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

- Nhóm đối tượng 2:

- + Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- + Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;
- + Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;
- + Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

- Nhóm đối tượng 3:

- + Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;
- + Người dân tộc thiểu số;
- + Học sinh ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

6. Phương thức, căn cứ tuyển sinh

a) Phương thức: Xét tuyển.

b) Căn cứ xét tuyển

Xét tuyển căn cứ vào kết quả đánh giá của học sinh được ghi trong học bạ tiểu học gồm:

- Điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK) toàn cấp. Trong đó, Điểm KTĐK toàn cấp là tổng điểm KTĐK của 02 môn: Toán, Tiếng Việt (từ lớp 1 đến lớp 5) và 02 môn: Lịch sử và Địa lý, Khoa học (lớp 4 và lớp 5).

- Mức đạt được trong việc đánh giá học sinh ở các môn học: Toán, Tiếng Việt (từ lớp 1 đến lớp 5); Tự nhiên và Xã hội (từ lớp 1 đến lớp 3); Lịch sử và Địa lý, Khoa học (lớp 4 và lớp 5).

7. Nguyên tắc, trình tự xét tuyển

a) Nguyên tắc xét tuyển

- Chỉ xét tuyển đối với học sinh đúng đối tượng, điều kiện tuyển sinh.
- ĐXT là Điểm KTĐK toàn cấp, lấy từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số chỉ tiêu theo từng tỷ lệ xét tuyển đã quy định.

b) Trình tự xét tuyển

- Lần 1: Xét tuyển tỷ lệ 70% tổng chỉ tiêu theo từng xã.
- + Tuyển 70% chỉ tiêu theo ĐXT từ cao xuống thấp đối với tất cả học sinh dự tuyển theo từng xã, đảm bảo đối tượng, điều kiện xét tuyển quy định (trong đó bao gồm cả số học sinh được tuyển thẳng theo quy định và không quá 10% tổng chỉ tiêu học sinh là người dân tộc Kinh mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn) theo công thức như sau:

$$CT_X = 70\% \times \left[\frac{\text{Số học sinh ĐKDT của xã X}}{\text{Tổng số học sinh ĐKDT toàn trường}} \times (\text{Số chỉ tiêu được giao toàn trường} - \text{Số học sinh tuyển thẳng}) \right]$$

(Trong đó: CT_X là chỉ tiêu tuyển sinh 70% của từng xã, nếu CT_X là số thập phân thì làm tròn xuống thành số nguyên; X là Tên xã; ĐKDT là Đăng ký dự tuyển).

+ Nếu chỉ tiêu cuối cùng ở xét tuyển Lần 1 có nhiều học sinh có ĐXT bằng nhau thì xét lấy học sinh có tiêu chí phụ cao hơn (cho đến khi lấy đủ số học sinh trúng tuyển) lần lượt theo thứ tự như sau:

(1) Thuộc đối tượng ưu tiên được quy định tại điểm b khoản 5 Mục II của Kế hoạch này; xét lần lượt theo Nhóm đối tượng 1, Nhóm đối tượng 2, Nhóm đối tượng 3.

(2) Học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (mồ côi, hộ nghèo, không có người chăm sóc, không nơi nương tựa).

(3) Mức đạt được trong việc đánh giá 04 môn học ở lớp 5 gồm: Toán, Tiếng Việt, Lịch sử và Địa lý, Khoa học được quy thành điểm, tính tổng điểm và xét từ cao xuống thấp. Cụ thể: mức Hoàn thành tốt (T) của mỗi môn được tính 10 điểm; mức Hoàn thành (H) của mỗi môn được tính 05 điểm.

(4) Tổng điểm KTĐK của 04 môn học ở lớp 5 gồm: Toán, Tiếng Việt, Lịch sử và Địa lý, Khoa học xét từ cao xuống thấp.

+ Nếu vẫn còn học sinh có các tiêu chí phụ ở lớp 5 bằng nhau thì tiếp tục xét lần lượt theo các tiêu chí phụ ở lớp 4 (như cách làm trong việc xét các tiêu chí phụ ở lớp 5).

+ Nếu vẫn có trường hợp bằng nhau thì tiếp tục xét tương tự như trên, lần lượt ở lớp 3 rồi đến lớp 2, lớp 1 cho đến khi lấy đủ học sinh trúng tuyển.

(Lưu ý: Mức đạt được trong việc đánh giá các môn học ở lớp 3, lớp 2, lớp 1 chỉ tính ở 03 môn: Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội; Tổng điểm KTĐK của các môn học ở lớp 3, lớp 2, lớp 1 chỉ tính ở môn Toán và Tiếng Việt).

+ Nếu tiếp tục bằng nhau ở tất cả các tiêu chí phụ thì Hội đồng tuyển sinh căn cứ vào tình hình, hoàn cảnh thực tế của học sinh để lựa chọn học sinh trúng tuyển theo hướng ưu tiên học sinh ở thôn đặc biệt khó khăn, ở giáp biên giới..., đảm bảo khách quan, công bằng, minh bạch.

- Lần 2: Xét tuyển tỷ lệ 30% tổng chỉ tiêu.

+ Tuyển 30% chỉ tiêu còn lại theo ĐXT từ cao xuống thấp đối với học sinh ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn, đảm bảo đối tượng, điều kiện xét tuyển quy định nhưng chưa trúng tuyển khi xét Lần 1.

+ Nếu chỉ tiêu cuối cùng ở xét tuyển Lần 2 có nhiều học sinh có ĐXT bằng nhau thì xét lấy học sinh có tiêu chí phụ cao hơn (cho đến khi lấy đủ số học sinh trúng tuyển) lần lượt theo thứ tự như sau:

(1) Thuộc đối tượng ưu tiên được quy định tại điểm b khoản 5 Mục II của Kế hoạch này; xét lần lượt theo Nhóm đối tượng 1, Nhóm đối tượng 2, Nhóm đối tượng 3.

(2) Học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (mồ côi, hộ nghèo, không có người chăm sóc, không nơi nương tựa).

(3) Mức đạt được trong việc đánh giá 04 môn học ở lớp 5 gồm: Toán, Tiếng Việt, Lịch sử và Địa lý, Khoa học được quy thành điểm, tính tổng điểm và xét từ cao xuống thấp. Cụ thể: mức Hoàn thành tốt (T) của mỗi môn được tính 10 điểm; mức Hoàn thành (H) của mỗi môn được tính 05 điểm;

(4) Tổng điểm KTĐK của 04 môn học ở lớp 5 gồm: Toán, Tiếng Việt, Lịch sử và Địa lý, Khoa học xét từ cao xuống thấp;

+ Nếu vẫn còn học sinh có các tiêu chí phụ ở lớp 5 bằng nhau thì tiếp tục xét lần lượt theo các tiêu chí phụ ở lớp 4 (như cách làm trong việc xét các tiêu chí phụ ở lớp 5);

+ Nếu vẫn có trường hợp bằng nhau thì tiếp tục xét tương tự như trên, lần lượt ở lớp 3 rồi đến lớp 2, lớp 1 cho đến khi lấy đủ học sinh trúng tuyển.

(Lưu ý: Mức đạt được trong việc đánh giá các môn học ở lớp 3, lớp 2, lớp 1 chỉ tính ở 03 môn: Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội; Tổng điểm KTĐK của các môn học ở lớp 3, lớp 2, lớp 1 chỉ tính ở môn Toán và Tiếng Việt).

+ Nếu tiếp tục bằng nhau ở tất cả các tiêu chí phụ thì Hội đồng tuyển sinh căn cứ vào tình hình, hoàn cảnh thực tế của học sinh để lựa chọn học sinh trúng tuyển theo hướng ưu tiên học sinh ở thôn đặc biệt khó khăn, ở giáp biên giới..., đảm bảo khách quan, công bằng, minh bạch.

+ Trường hợp xét tuyển Lần 2 không đủ 30% số học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn thì tiếp tục xét tuyển số chỉ tiêu còn lại theo ĐXT từ cao xuống thấp đối với những học sinh chưa trúng tuyển khi xét tuyển Lần 1 (khi xét những

chỉ tiêu còn lại cũng phải đảm bảo có không quá 10% tổng chỉ tiêu học sinh là người dân tộc Kinh mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn).

d) Xét tuyển bổ sung (nếu có)

Hết thời gian thông báo nhập học, nếu có học sinh trúng tuyển nhưng không nhập học, Hội đồng tuyển sinh của trường PTDTNT THCS sẽ xét tuyển bổ sung số chỉ tiêu còn lại theo ĐXT từ cao xuống thấp đối với những học sinh chưa trúng tuyển ở cả hai lần xét tuyển. (Khi xét chỉ tiêu bổ sung cũng phải đảm bảo có không quá 10% tổng chỉ tiêu học sinh là người dân tộc Kinh mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn).

8. Thời gian xét tuyển

- Thực hiện xét tuyển vào lớp 6 PTDTNT THCS năm học 2026-2027 trước khi xét tuyển lớp 6 THCS năm học 2026-2027.
- Thời gian hoàn thành xét tuyển: trước ngày 31/7/2026.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này; đồng thời, chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác và nội dung tham mưu trình phê duyệt theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.
- Hướng dẫn tuyển sinh đối với UBND cấp xã có trường PTDTNT THCS đặt trên địa bàn xã; phối hợp với các đơn vị có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác tuyển sinh lớp 6 PTDTNT THCS năm học 2026-2027 theo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh kết quả thực hiện và những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền.
- Tổ chức kiểm tra công tác tuyển sinh theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành liên quan

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp chặt chẽ với Sở GDĐT và các địa phương có trường PTDTNT THCS thực hiện tốt công tác tuyển sinh vào lớp 6 PTDTNT THCS năm học 2026-2027 theo quy định.

3. UBND các xã: Bá Thước, Cẩm Thủy, Hồi Xuân, Kim Tân, Linh Sơn, Minh Sơn, Mường Lát, Như Thanh, Như Xuân, Quan Sơn, Thường Xuân

- Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh lớp 6 PTDTNT THCS, thành phần gồm: Chủ tịch là Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng trong trường hợp đột

xuất Hiệu trưởng không làm Chủ tịch); Phó Chủ tịch là Phó Hiệu trưởng hoặc Tổ trưởng chuyên môn; thư ký và ủy viên là giáo viên, nhân viên của trường PTDTNT THCS do UBND xã quản lý. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Hội đồng tuyển sinh do UBND xã quy định.

- Chỉ đạo phòng Văn hóa - Xã hội: Tham mưu, hướng dẫn, tổ chức tuyển sinh lớp 6 PTDTNT THCS theo đúng Kế hoạch của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở GDĐT; đúng quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các xã có học sinh dự tuyển để thực hiện tốt công tác tuyển sinh lớp 6 PTDTNT THCS.

- Phê duyệt danh sách học sinh trúng tuyển lớp 6 PTDTNT THCS;

- Tổ chức kiểm tra công tác tuyển sinh trên địa bàn;

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về toàn bộ các khâu trong tổ chức tuyển sinh.

4. Đối với UBND các xã trong địa bàn tuyển sinh của trường PTDTNT THCS hoặc UBND các xã có học sinh đăng ký dự tuyển vào trường PTDTNT THCS

- Thực hiện công tác tuyển sinh theo hướng dẫn của Sở GDĐT;

- Phối hợp với UBND các xã có trường PTDTNT THCS thực hiện tốt công tác tuyển sinh lớp 6 PTDTNT THCS.

Trên đây là Kế hoạch tuyển sinh lớp 6 PTDTNT THCS năm học 2026-2027 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Yêu cầu Sở GDĐT, các sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện theo quy định./.

Phụ lục: ĐỊA BÀN TUYỂN SINH LỚP 6
TRƯỜNG PTDTNT THCS NĂM HỌC 2026-2027

Stt	Tên trường	Xã nơi trường đặt	Các xã thuộc địa bàn tuyển sinh	Thông tin xã ²	
				Xã thuộc khu vực I, II, III	Số thôn ĐBK
1	Trường PT DTNT THCS Bá Thước	Xã Bá Thước	Xã Bá Thước	III	8/34
			Xã Thiết Ống	III	20/23
			Xã Văn Nho	III	17/17
			Xã Cổ Lũng	III	22/22
			Xã Pù Luông	III	19/20
			Xã Điền Lư	II	0/30
			Xã Điền Quang	III	29/30
			Xã Quý Lương	III	24/26
			Tổng số xã: 08		
2	Trường PT DTNT THCS Cẩm Thủy	Xã Cẩm Thủy	Xã Cẩm Thủy	I	0/23
			Xã Cẩm Thạch	II	1/31
			Xã Cẩm Tú	II	0/24
			Xã Cẩm Vân	II	0/16
			Xã Cẩm Tân	II	0/18
			Tổng số xã: 05		
3	Trường PT DTNT THCS Quan Hóa	Xã Hồi Xuân	Xã Hồi Xuân	III	4/20
			Xã Nam Xuân	III	12/14
			Xã Thiên Phú	III	13/13
			Xã Hiền Kiệt	III	10/13
			Xã Phú Xuân	III	10/11
			Xã Phú Lệ	III	15/15
			Xã Trung Thành	III	15/15
			Xã Trung Sơn	III	5/6
			Tổng số xã: 08		
4	Trường PT DTNT THCS Thạch Thành	Xã Kim Tân	Xã Kim Tân	I	0/43
			Xã Vân Du	II	0/27
			Xã Ngọc Trạo	II	0/26
			Xã Thạch Bình	II	0/24
			Xã Thành Vinh	III	7/28
			Xã Thạch Quảng	III	5/22
			Tổng số xã: 06		
5	Trường PT DTNT THCS Lang Chánh	Xã Linh Sơn	Xã Linh Sơn	III	13/18
			Xã Đồng Lương	III	10/16
			Xã Văn Phú	III	13/14
			Xã Giao An	III	10/11

² Theo Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026-2030.

Stt	Tên trường	Xã nơi trường đặt	Các xã thuộc địa bàn tuyển sinh	Thông tin xã ²	
				Xã thuộc khu vực I, II, III	Số thôn ĐBK
			Xã Yên Khương	III	8/9
			Xã Yên Thắng	III	8/9
			Tổng số xã: 06		
6	Trường PT DTNT THCS Ngọc Lặc	Xã Minh Sơn	Xã Minh Sơn	II	0/34
			Xã Ngọc Lặc	II	0/33
			Xã Thạch Lập	II	2/30
			Xã Ngọc Liên	II	0/39
			Xã Nguyệt Ấn	III	18/34
			Xã Kiên Thọ	II	0/25
			Tổng số xã: 06		
7	Trường PT DTNT THCS Mường Lát	Xã Mường Lát	Xã Mường Lát	III	9/11
			Xã Quang Chiêu	III	1/13
			Xã Tam Chung	III	6/8
			Xã Mường Chanh	III	1/9
			Xã Pù Nhi	III	10/11
			Xã Nhi Sơn	III	6/6
			Xã Mường Lý	III	8/15
			Xã Trung Lý	III	13/15
			Tổng số xã: 08		
8	Trường PT DTNT THCS Như Thanh	Xã Như Thanh	Xã Như Thanh	I	0/20
			Xã Xuân Du	II	1/33
			Xã Mậu Lâm	II	0/20
			Xã Yên Thọ	II	0/23
			Xã Xuân Thái	III	6/10
			Xã Thanh Kỳ	III	14/21
			Tổng số xã: 06		
9	Trường PT DTNT THCS Như Xuân	Xã Như Xuân	Xã Như Xuân	III	5/21
			Xã Thượng Ninh	III	7/22
			Xã Xuân Bình	III	13/21
			Xã Hóa Quý	III	10/20
			Xã Thanh Quân	III	20/20
			Xã Thanh Phong	III	16/16
			Tổng số xã: 06		
10	Trường PT DTNT THCS Quan Sơn	Xã Quan Sơn	Xã Quan Sơn	III	14/16
			Xã Na Mèo	III	9/9
			Xã Sơn Thủy	III	11/11
			Xã Sơn Điện	III	10/10
			Xã Mường Mìn	III	5/5
			Xã Tam Thanh	III	8/8
			Xã Tam Lư	III	7/13
			Xã Trung Hạ	III	19/22
			Tổng số xã: 08		

Stt	Tên trường	Xã nơi trường đặt	Các xã thuộc địa bàn tuyển sinh	Thông tin xã ²	
				Xã thuộc khu vực I, II, III	Số thôn ĐBK
11	Trường PT DTNT THCS Thường Xuân	Xã Thường Xuân	Xã Thường Xuân	II	7/21
			Xã Bát Mọt	III	8/8
			Xã Yên Nhân	III	6/6
			Xã Lương Sơn	III	4/7
			Xã Luận Thành	III	14/15
			Xã Tân Thành	III	16/18
			Xã Vạn Xuân	III	8/10
			Xã Thắng Lộc	III	12/12
			Xã Xuân Chinh	III	13/14
			Tổng số xã: 09		